

Số: 809/BC-UBND

Yên Châu, ngày 14 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III năm 2021;
nhiệm vụ cải cách hành chính quý IV năm 2021**

Kính gửi: Sở Nội vụ Sơn La

Thực hiện Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2021;

Căn cứ kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) trên địa bàn, UBND huyện Yên Châu báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III, nhiệm vụ cải cách hành chính quý IV năm 2021, cụ thể như sau:

**I. THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC THAM MUÙ TRÊN LĨNH VỰC
ĐƯỢC PHÂN CÔNG PHỤ TRÁCH, KẾT QUẢ CỤ THỂ NHƯ SAU:**

Trong quý III năm 2021, thành viên Ban chỉ đạo đã chủ động, tích cực, đôn đốc, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao trên các lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công phụ trách. Kịp thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn chủ động tham mưu ban hành đồng bộ, kịp thời các văn bản để chỉ đạo, điều hành, phát huy vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Tiến độ triển khai các nhiệm vụ, đề án trong Kế hoạch cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh giao như sau:

1. Chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC gắn với thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021, nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số quản trị và hành chính công năm 2021. UBND huyện đã ban hành 07 văn bản (03 Quyết định, 01 Kế hoạch, 02 Công văn, 01 Báo cáo) để chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính năm 2021.

2. Thành viên Ban chỉ đạo đã tổ chức triển khai và hoàn thành 05/05 = 100% nhiệm vụ quý III trong Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 của UBND huyện. Còn 16 nhiệm vụ chưa đến thời gian thực hiện.

3. Tổ chức kiểm tra công tác CCHC năm 2021 tại 09 cơ quan, đơn vị, đạt 100% kế hoạch. Căn cứ kết quả kiểm tra, UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo việc khắc phục các tồn tại, hạn chế, đẩy mạnh công tác kiểm tra CCHC năm 2021. Đến nay, 100% các đơn vị được kiểm tra đã xây dựng kế hoạch và tổ chức khắc phục những tồn tại, hạn chế sau kiểm tra.

4. Chỉ đạo thực hiện quy trình tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện. Ban hành Báo cáo số 687/BC-UBND ngày 12/8/2021 về kết quả tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện năm 2021.

5. Ban hành Quyết định số 1091/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 về việc điều động 61 giáo viên năm học 2021 - 2022.

6. Ban hành Công văn số 1582/UBND-NV ngày 10/8/2021 về việc Lập danh sách điều tra Xã hội học xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2021.

7. Ban hành Công văn số 1649/UBND-NV ngày 16/08/2021 về việc lập danh sách điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2021.

8. Ban hành Kế hoạch số 227/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 phê duyệt Kế hoạch điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của UBND các xã, thị trấn năm 2021.

9. Ban hành Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về Phê duyệt Đề cương tổng quát, Đề cương chi tiết, phiếu điều tra xã hội học để phục vụ cho đánh giá chỉ số CCHC năm 2021 tại các xã, thị trấn.

10. Ban hành Quyết định điều động, bổ nhiệm 16 công chức, viên chức lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, TUYÊN TRUYỀN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Ngày 12/01/2020, UBND huyện Yên Châu ban hành Quyết định số 31/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2021; Kế hoạch đề ra 07 nhiệm vụ lớn, 53 nhiệm vụ cụ thể giao cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn trong huyện tổ chức triển khai, thực hiện.

2. Việc tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Trong quý III/2021, UBND huyện đã ban hành 07 văn bản để chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ CCHC gắn với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện năm 2021 (trong đó: 03 Quyết định, 01 Kế hoạch, 02 Công văn, 01 Báo cáo) để chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính năm 2021.

3. Công tác kiểm tra cải cách hành chính

UBND huyện ban hành Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 về việc ban hành kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, hoạt động công vụ trên địa bàn huyện Yên Châu năm 2021. Để thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra, UBND đã thành lập đoàn kiểm tra công tác hành chính tại các cơ quan, đơn vị. Qua kiểm tra đã kịp thời biểu dương những cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện tốt kế hoạch CCHC, chỉ ra những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để các đơn vị được kiểm tra tiếp tục thực hiện tốt kế hoạch CCHC trong thời gian tới.

Đến hết ngày 30/8/2021, UBND huyện đã tiến hành kiểm tra công tác cải cách hành chính và hoạt động công vụ 02 xã, 03 đơn vị trường học, 04 cơ quan chuyên môn.

4. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Công tác tuyên truyền cải cách hành chính tiếp tục được UBND huyện quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện, ban hành Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 19/02/2021 của UBND huyện về việc tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục quán triệt các văn bản chỉ đạo của các cấp, các ngành về công tác cải cách hành chính tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức; chỉ đạo Trung tâm Truyền thông - Văn hóa xây dựng các tin, bài, phóng sự về tình hình thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn huyện. Duy trì chuyên mục CCHC phát sóng thứ 2 hàng tuần. Trong quý III, Trung tâm Truyền thông - Văn hóa đã tuyên truyền được 11 bài; 16 tin về CCHC (*phát sóng bằng 02 thứ tiếng*); Công thông tin điện tử của huyện hàng ngày đăng, cập nhật các văn bản chỉ đạo về cải cách hành chính.

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC CCHC

1. Về cải cách thể chế

- Ban hành Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 14/7/2021 về công tác tuyên truyền phổ biến các luật, Nghị quyết, được thông qua tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIV; Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 23/8/2021 về việc theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2021 trên địa bàn huyện Yên Châu.

- Ban hành Công văn số 1455/UBND-TP ngày 28/7/2021 tham gia ý kiến đối với Dự thảo Quyết định, quy định chức năng nhiệm vụ Sở Tư pháp; Công văn số 1369/UBND-TP ngày 19/7/2021 về việc tham gia ý kiến đối với Dự thảo Thông tư của Bộ tư pháp hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ ngành tư pháp.

- Đã ban hành Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về việc quyết định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phòng Tư pháp huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Giao Phòng Tư pháp thẩm định 01 văn bản quy phạm pháp luật do UBND huyện ban hành (Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện).

2. Về cải cách thủ tục hành chính

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị căn cứ Kế hoạch của huyện xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện rà soát, đánh giá thủ tục hành chính tại cơ quan; chỉ đạo các cơ quan tiếp tục rà soát, thống kê và xây dựng quy trình thực hiện thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử và niêm yết tại cơ quan, đơn vị đảm bảo cho tổ chức, cá nhân dễ tra cứu, tìm hiểu thông tin.

- Trong quý III/2021 không có trường hợp nào kiến nghị, đơn thư thắc mắc về giải quyết các thủ tục hành chính, hành vi hành chính và mức thu phí, lệ phí.

- Việc niêm yết công khai thủ tục hành chính đã được niêm yết công khai, đầy đủ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện, Cổng thông tin điện tử huyện, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả liên thông hiện đại của xã, thị trấn. Giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo kịp thời.¹

3. Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Ban hành Quyết định điều động, bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo 16 người.

- Thành lập, kiện toàn các tổ chức, phối hợp liên ngành.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện hiệu quả các quy định của pháp luật, của UBND huyện về phân cấp quản lý nhà nước.

4. Về xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Thường xuyên rà soát chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức để có giải pháp cần thiết nhằm nâng cao năng lực trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện quy trình tuyển dụng viên chức năm 2021.

- Tổng hợp báo cáo chất lượng công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

- Ban hành Quyết định, thông báo giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công

- Ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo công tác tài chính quý 3 năm 2021, nhiệm vụ trọng tâm công tác quý 4 năm 2021.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã thị trấn thực hiện giải ngân các nguồn kinh phí đã được giao từ đầu năm đảm bảo tiến độ dự toán; đồng thời rà soát các nguồn kinh phí không có khả năng giải ngân, thanh toán trong năm 2021 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài chính tỉnh theo các văn bản chỉ đạo điều hành.

- Về thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính Phủ; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 01/02/2015 của Chính phủ.

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo một phần chi thường xuyên và đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo): 49 đơn vị.

+ Thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm các đơn vị dự toán được mở tài khoản và giao dịch trực tiếp với Kho bạc Nhà nước huyện nên đã chủ động được nhiệm vụ chi, đảm bảo chi đúng, chi đủ và kịp thời cho người

¹ Đối với cấp huyện: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện đã tiếp nhận và giải quyết 1.616 hồ sơ (1.338 hồ sơ tiếp nhận trong kỳ, 278 hồ sơ tiếp nhận kỳ trước chuyển sang; trả đúng hạn 1.479 hồ sơ; chưa đến thời gian giải quyết 109 hồ sơ; không có hồ sơ trả quá hạn, tạm dừng để thực hiện nghĩa vụ tài chính 15 hồ sơ).

Đối với cấp xã: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã đã tiếp nhận và giải quyết 5.185 hồ sơ. Trong đó: 5.184 hồ sơ tiếp nhận trong kỳ, 01 hồ sơ tiếp nhận kỳ trước chuyển sang. (Trả đúng hạn 513 hồ sơ; chưa đến thời gian giải quyết 07 hồ sơ; trả sớm hạn = 4.660 hồ sơ; không có hồ sơ trả quá hạn; từ chối 05 hồ sơ).

lao động. Nguồn kinh phí ngân sách được phân bổ theo định mức quy định và giao dự toán ngay từ đầu năm; các cơ quan, đơn vị lập dự toán chi có tính chất thường xuyên đã chia đều trong năm và chia đều trong quý, tháng để chi; đối với các khoản chi không thường xuyên, không giao tự chủ thực hiện theo tiến độ trong phạm vi dự toán được giao theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và điều hành ngân sách của tỉnh, huyện; nguồn kinh phí giao tự chủ, giao chi thường xuyên đã được các chủ tài khoản thực hiện nhiệm vụ chi cơ bản đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và thực hiện đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

6. Hiện đại hoá nền hành chính nhà nước

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Cổng thông tin điện tử huyện: Duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử huyện. Kết quả đăng 109 tin, bài (*99 tin, bài; 10 tin tuyên truyền về chế độ chính sách*) trung bình có hơn 315 lượt người truy cập trên ngày.

- Phần mềm quản lý văn bản: Có 460 tài khoản sử dụng phần mềm quản lý văn bản VNPT-iOffice của 76 cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc (*12 cơ quan chuyên môn, 03 đơn vị sự nghiệp trực thuộc, 15 xã, thị trấn và 46 đơn vị trường học trực thuộc*).

- Tiếp tục duy trì và áp dụng tốt hệ thống quản lý chất lượng các quy trình theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; thường xuyên cập nhật các văn bản mới của cấp trên để áp dụng theo đúng quy định. Tiến hành viết cập nhật quy trình xử lý vào phần mềm một cửa điện tử huyện Yên Châu.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về cải cách hành chính có nhiều tiến bộ.

- Công tác cải cách hành chính đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính ở huyện đã có chuyển biến tích cực trong việc giải quyết các công việc của tổ chức và cá nhân, giúp cho công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ của cơ quan nhà nước từng bước có hiệu quả.

- Thủ tục hành chính được công khai minh bạch về thời gian, phí và lệ phí theo quy định, giảm khâu trung gian, giảm phiền hà, rút ngắn thời gian cho tổ chức và công dân.

- Tinh thần và thái độ phục vụ của CBCC các cơ quan được nâng lên đáng kể, không có tình trạng lợi dụng nhiệm vụ được giao để nhũng nhiễu, tiêu cực.

2. Tồn tại hạn chế, nguyên nhân

- Công tác chỉ đạo, điều hành ở một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự quyết liệt; việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác CCHC ở một số cơ quan, đơn vị còn hình thức, chưa đảm bảo các nội dung theo yêu cầu.

- Việc tuyên truyền các nội dung liên quan đến công tác CCHC của một số đơn vị còn hạn chế.

V. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ IV/2021

1. Đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2021 trên địa bàn huyện.

2. Chú trọng nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và áp dụng pháp luật đúng thẩm quyền về trình tự đảm bảo đúng luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tiến hành rà soát các văn bản đã ban hành thuộc thẩm quyền để loại bỏ, sửa đổi những văn bản không còn phù hợp.

3. Tiếp tục đôn đốc việc duy trì thực hiện cơ chế một cửa tại các xã, thị trấn và Trung tâm Hành chính công cấp huyện hoạt động đi vào nề nếp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân trong quá trình giải quyết công việc liên quan đến thủ tục hành chính.

4. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, Nghị định số 26/NĐ-CP và các chế độ theo quy định hiện hành.

5. Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực huyện uỷ;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND huyện;
- Ban chỉ đạo CCHC;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- UBND 15 xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NV, Quh(30 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vì Văn Ngọc

Phụ lục II
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TẠI UBND HUYỆN YÊN CHÂU
(kèm theo Báo cáo số: 809 /BC-UBND ngày 14/9/2021 của UBND huyện Yên Châu)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính		
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH			
1	Kế hoạch cải cách hành chính			
1.2	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	05 nhiệm vụ	7 nhiệm vụ lớn 53 nhiệm vụ nhỏ của cả năm
1.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	05	
1.4	Số văn bản chỉ đạo cải cách hành chính đã ban hành	Văn bản	07	
2	Tự kiểm tra cải cách hành chính			
2.1	Số cơ quan, đơn vị đề ra trong kế hoạch tự kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.2	Số cơ quan, đơn vị đã kiểm tra theo kế hoạch	Cơ quan, đơn vị	09	
2.3	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
2.4	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
3	Tuyên truyền cải cách hành chính			
3.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	03	
3.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	03	
3.3	Số lượng tin/bài tuyên truyền đã đăng tải trên Cổng/Trang TTĐT	Tin/bài	99 tin, bài	
4	Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh giao			
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	135	
4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	135	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính		
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5	Tổ chức đối thoại với người dân	Không = 0 Có = 1	0	
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH			
1	Cải cách thể chế			
1.2	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	02 văn bản	
1.3	Số VBQPPL thực hiện tự kiểm tra theo thẩm quyền tại cơ quan, đơn vị	Văn bản	0	
1.4	Số vấn đề phát hiện qua tự kiểm tra	Văn bản	0	
1.5	Số vấn đề kiến nghị xử lý qua tự kiểm tra	Văn bản	0	
1.6	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
1.7	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	10 văn bản	
1.8	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	03 văn bản	
1.9	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	Đang trong quá trình xử lý	
1.10	Số VBQPPL được tổ chức triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị	Văn bản	01 văn bản	
2	Cải cách thủ tục hành chính			
2.1	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	264	
2.2	<i>Kết quả triển khai Cổng dịch vụ công của tỉnh</i>			
2.2.1	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng thông tin điện tử của huyện/Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	264	
2.2.2	Số TTHC mức độ 3 đã cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của	Thủ tục	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính		
	huyện/Công DVC của tỉnh			
2.2.3	Số TTHC mức độ 4 đã cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của huyện/Công DVC của tỉnh	Thủ tục	0	
2.3	<i>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</i>			
2.3.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	<i>Thủ tục</i>	15	
2.3.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	<i>Thủ tục</i>	12	
2.3.3	Số TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	<i>Thủ tục ... = ...%</i>	264 thủ tục = 100%	
2.3.4	Quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	<i>Quy trình ... = ...%</i>	201/264 = 76,14%	
2.4	<i>Kết quả giải quyết TTHC</i>			
2.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC đã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	<i>... hồ sơ = ...%</i>	1616/1616 hồ sơ = 100%	
2.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC đã tiếp nhận được giải quyết trễ hạn	<i>... hồ sơ = ...%</i>	0 hồ sơ = 0%	
2.4.3	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC được công khai trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	<i>Tổng số văn bản xin lỗi theo quy định/tổng số hồ sơ TTHC trễ hạn</i>	0	Không có hồ sơ quá hạn
2.4.4	Số cuộc tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính	<i>Cuộc/người tham gia</i>	0	Không có tổ chức, cá nhân đăng ký đối thoại
2.4.5	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	<i>Không = 0 Có = 1</i>	0	
2.4.6	Công khai kết quả trả lời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	<i>Không = 0 Có = 1</i>	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính		
2.4.7	Tổng số hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn	... hồ sơ = ...%	928/928 hồ sơ = 100%	
2.4.8	Tổng số hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn	... hồ sơ = ...%	7/7 hồ sơ = 100%	
3	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
3.1	<i>Cơ cấu tổ chức bộ máy</i>			
3.1.1	Số lượng các cơ quan, đơn vị trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	12	
3.1.2	Số ban quản lý trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	01	
3.1.3	Số ĐVSNCL trực thuộc và tương đương	Cơ quan, đơn vị	48	
3.1.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	30%	
3.2	<i>Số liệu về biên chế công chức</i>			
3.2.1	Tổng số biên chế được giao	Người	80	
3.2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	69	
3.2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, đơn vị	Người	09	
3.2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0%	
3.3	<i>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</i>			
3.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	1461	
3.3.2	Tổng số người làm việc có mặt	Người	1409	
3.3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	29	
3.3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	%	
4	Cải cách chế độ công vụ			
4.1	<i>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</i>			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính		
4.1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	12	
4.1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	49	
4.1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
4.2	<i>Tuyển dụng công chức, viên chức</i>			
4.2.1	Số công chức, viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	03	
4.2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
4.2.3	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	44	
4.2.4	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
4.3	<i>Số liệu về bổ nhiệm công chức, viên chức</i>			
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc huyện được bổ nhiệm mới	Người	01	
4.4	<i>Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).</i>			
4.4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người	0	
4.4.2	Số lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
4.4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc huyện bị kỷ luật	Người	0	
4.4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	
4.4.5	Số lãnh đạo công chức cấp xã thuộc huyện bị kỷ luật	Người	0	
5	Cải cách tài chính công			
5.1	Số đơn vị Sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính		
5.2	Số đơn vị Sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	0	
5.3	Số đơn vị Sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	0	
5.4	Số đơn vị Sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Cơ quan, đơn vị	48	
6	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử			
6.1	Cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số	... cơ quan, đơn vị = ...%	76/76 cơ quan, đơn vị = 100%	100% cơ quan, đơn vị trực thuộc
6.2	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử	... văn bản = ...%	2164/2279 văn bản = 95%	
6.3	Việc kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành			
6.4	Tổng số văn bản đi	Văn bản	2279	
6.4.1	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	2164/2279 văn bản = 95%	
6.4.2	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	10/2217 văn bản = 0,45%	
6.5	<i>Sử dụng hòm thư công vụ</i>			
6.5.1	Tổng số đơn vị trực thuộc sử dụng hòm thư công vụ	Số cơ quan, đơn vị/ tổng	76/76	100% cơ quan, đơn vị trực thuộc sử dụng hòm thư công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính		
6.5.2	Số tài khoản thường xuyên sử dụng hòm thư công vụ	Số tài khoản/ tổng	439/628	
6.6	<i>Dịch vụ công trực tuyến</i>			
6.6.1	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	0	
6.6.2	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	0	
6.6.3	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	0	
6.6.4	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	0	
6.7	<i>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích</i>			
6.7.1	Số TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	TTHC/KQ giải quyết	35	
6.7.2	Số hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	TTHC	5	
6.7.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	%	14,3%	